

Thảo luận

Môn Công Nghệ Phần Mềm

GVHD: Trần Thị Hương

Nhóm SV thực hiện:

- 1. Vũ Đình Dương**
- 2. Nguyễn Xuân Tuấn**
- 3. Lê Công Chung**
- 4. Lê Xuân Công**
- 5. Đào Thị Giang**
- 6. Tạ Văn Tiến**
- 7. Trần Văn Tiến**

Đề tài: Mô hình quản lý của siêu thị Co-Op Mart

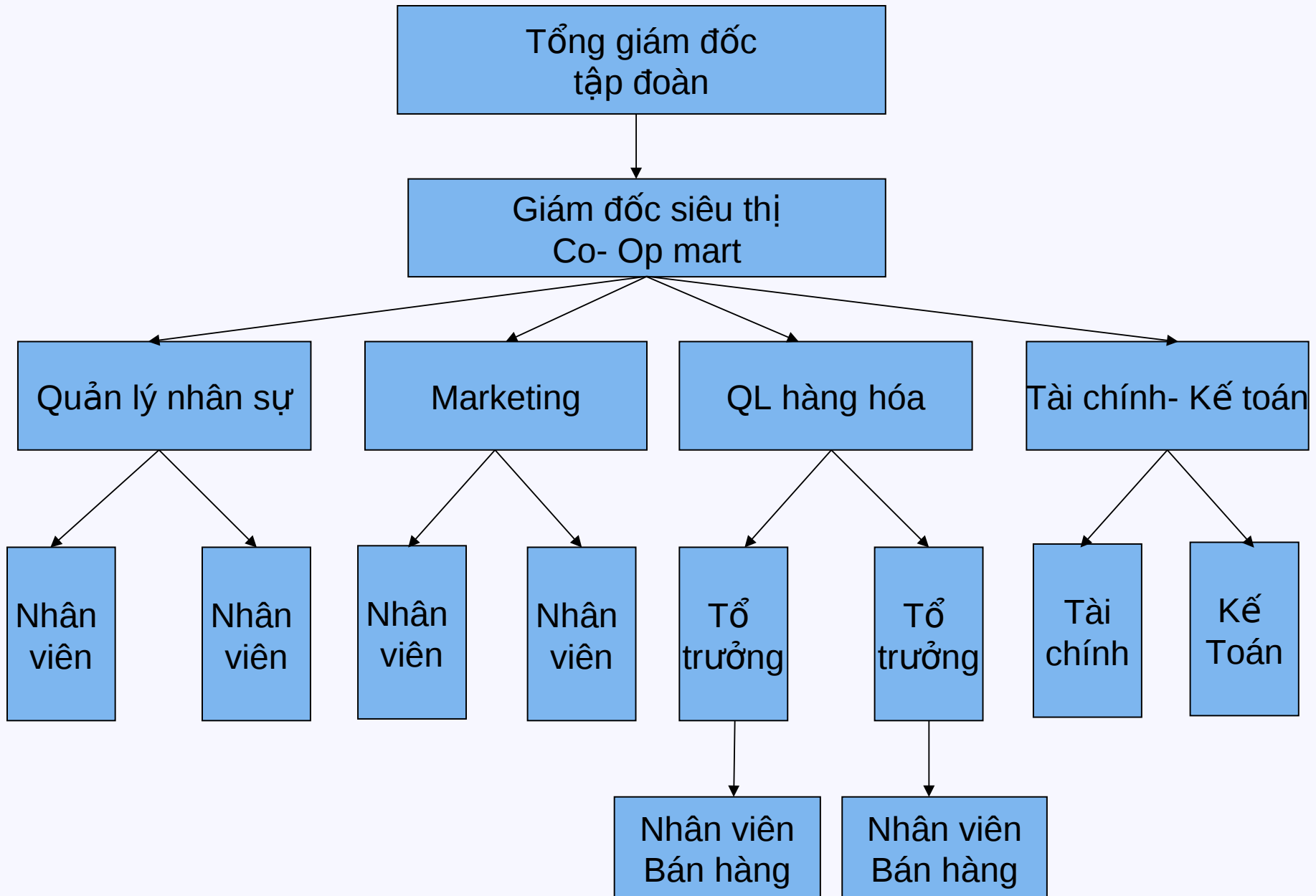
1. Giới thiệu đề tài.

- Co- Op Mart là một siêu thị lớn ở Sài Gòn có quy mô hoạt động và tổ chức rất khoa học.

- Nhiệm vụ của đề tài là trình bày cái nhìn tổng quan về tổ chức siêu thị, xác định mô hình hoạt động, xác định hiện trạng và phạm vi của hệ thống .

-Tính cấp thiết của đề tài: bất kì một hệ thống siêu thị nói riêng và hệ thống quản lý bất cứ cái gì đều phải hợp lý và khoa học nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất.

2. Sơ đồ phân quyền bộ máy tổ chức.

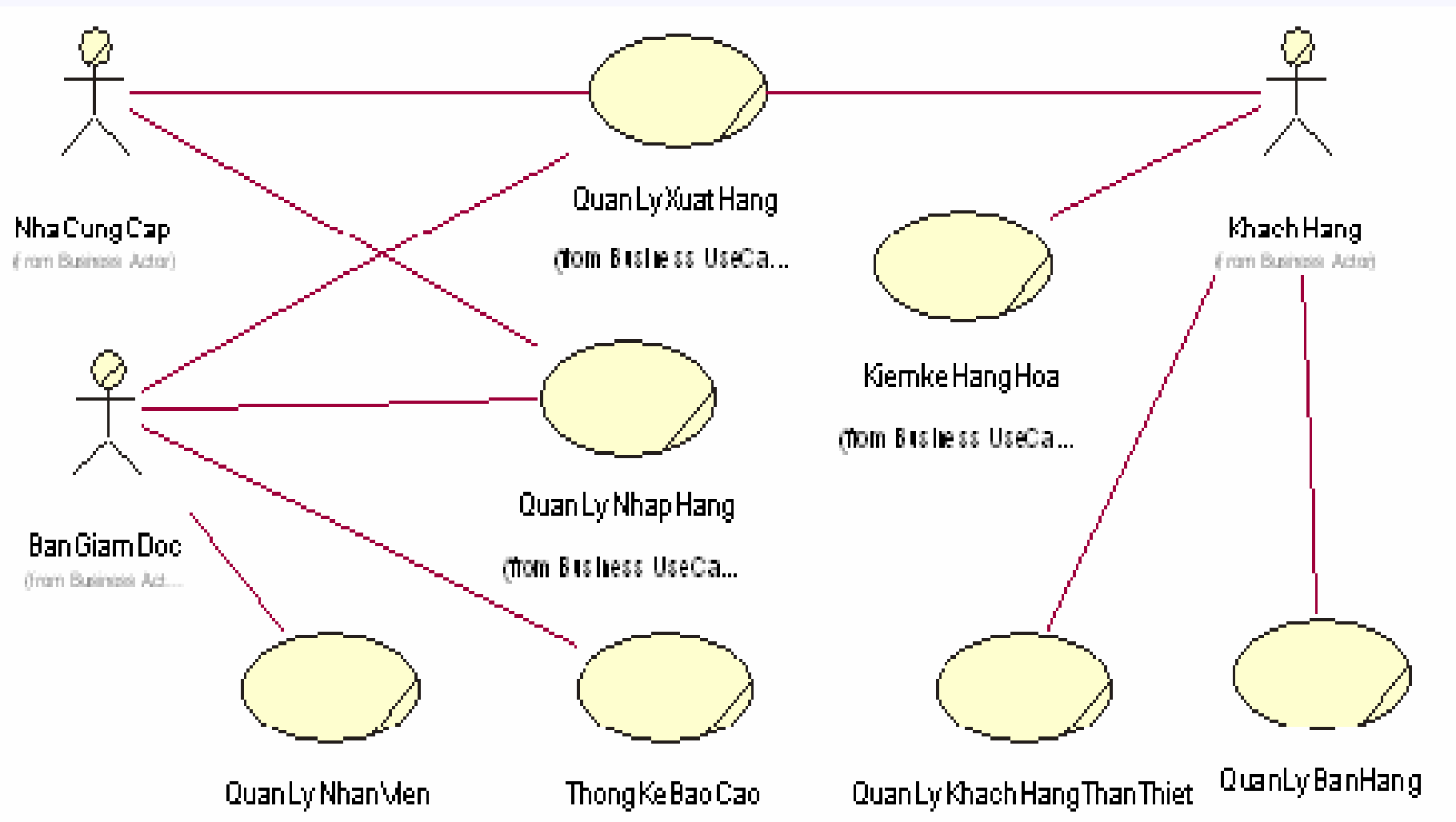


Trong đó ban giám đốc người quyết định phê chuẩn ngân sách dự án, theo dõi hoạt động của các siêu thị Co-op mart. Người quyết định xây dựng hệ thống, theo dõi hoạt động của siêu thị đồng thời quản lý chung nhất về siêu thị.

Người quản lý siêu thị theo dõi tiến trình phát triển của dự án và theo dõi tình hình hoạt động của siêu thị. Là người quản lý cụ thể từng bộ phận của siêu thị.

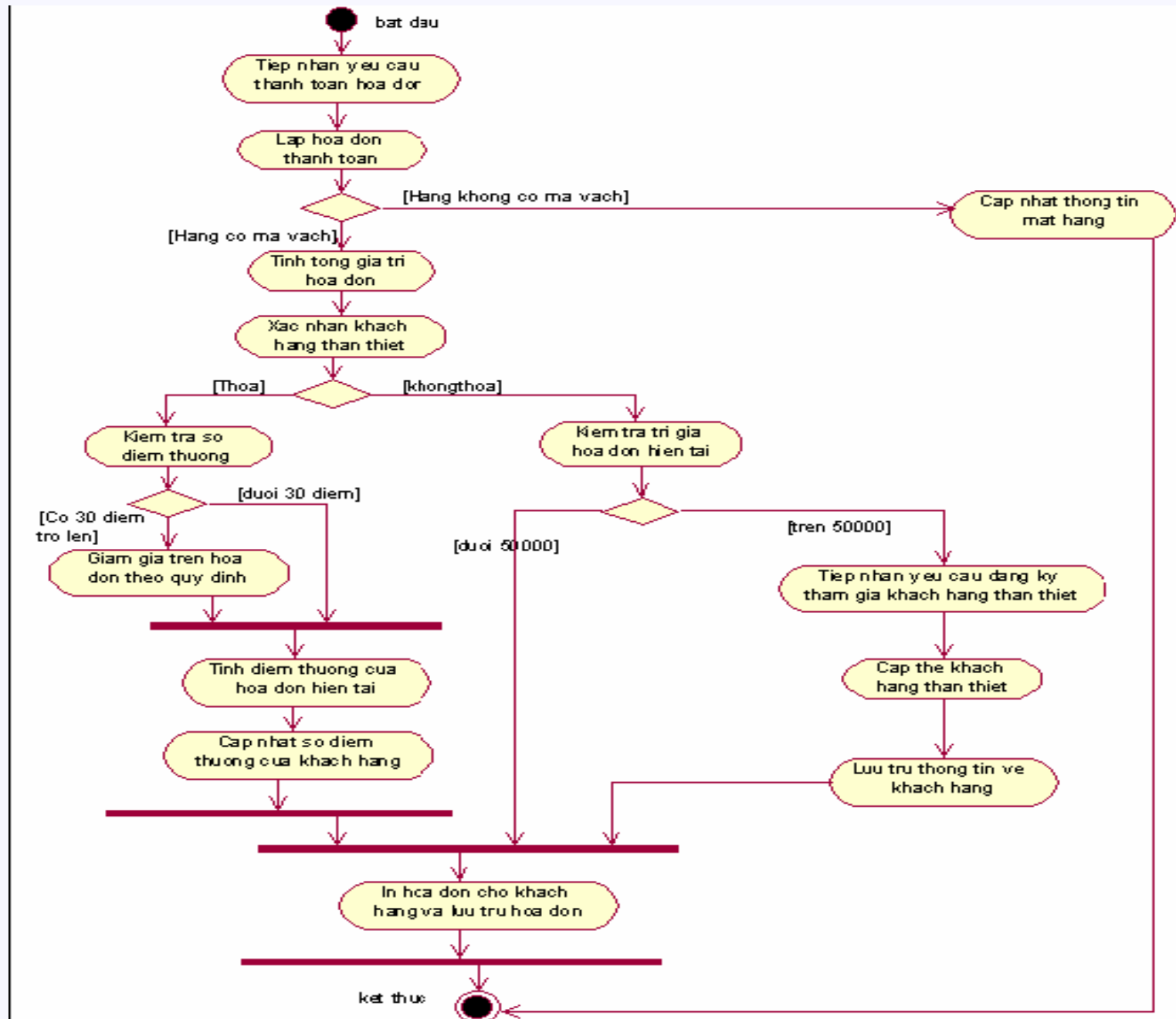
Nhân viên chịu trách nhiệm trong khâu bán hàng ở siêu thị, duy trì hoạt động của siêu thị. Chịu trách nhiệm báo cáo lại tình trạng hàng hóa lên cấp trên. Giúp người quản lý có thể làm tốt công tác quản lý khách hàng, theo dõi tình hình phục vụ khách hàng một cách dễ dàng.

3. Các chức năng và nhiệm vụ phần mềm



STT	Chức năng	Ý nghĩa
1	QuanLyXuatHang	Quản lý xuất hàng từ kho lên quầy siêu thị
2	QuanLyNhapHang	Quản lý nhập hàng vào kho
3	QuanLyKHTT	Quản lý khách hàng thân thuộc của siêu thị
4	QuanLyBanHang	Quản lý bán hàng tại siêu thị
5	KiemKeHangHoa	Kiểm tra và kê khai hàng hóa trên quầy.
6	ThongKeBaoCao	Thống kê báo cáo theo yêu cầu
7	QuanLyNhanVien	Quản lý nhân viên làm việc tại siêu thị

*Quản lý bán hàng



Hóa Đơn Mẫu số : 01 GTKT-3LL
(Giá trị gia tăng) GG122004N
Liên 2: Khách Hàng 0080669
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn vị bán hàng:.....
Địa chỉ:
Số tài khoản:
Điện thoại:MS:.....

Họ tên người mua:
Tên đơn vị:
Địa chỉ:
Số tài khoản
Hình thức thanh toán:MS:.....

Số TT	Tên hàng dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền
TỔNG CỘNG					

.....Thuế suất GTGT:

Tiền Thuế GTGT:

Tổng cộng tiền thanh toán:



LẬP HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Mã mặt hàng:

Số lượng:

Thêm

Mặt hàng	Số lượng	Giá bán (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)

Cập nhật

Xóa

Điểm thưởng:

0

Khách hàng thân thiết

Mã khách hàng:

Điểm đã có:

Tổng điểm:

Tổng cộng:

 VNĐ

Giảm:

 %

Tổng tiền phải trả:

 VNĐ

In hóa đơn

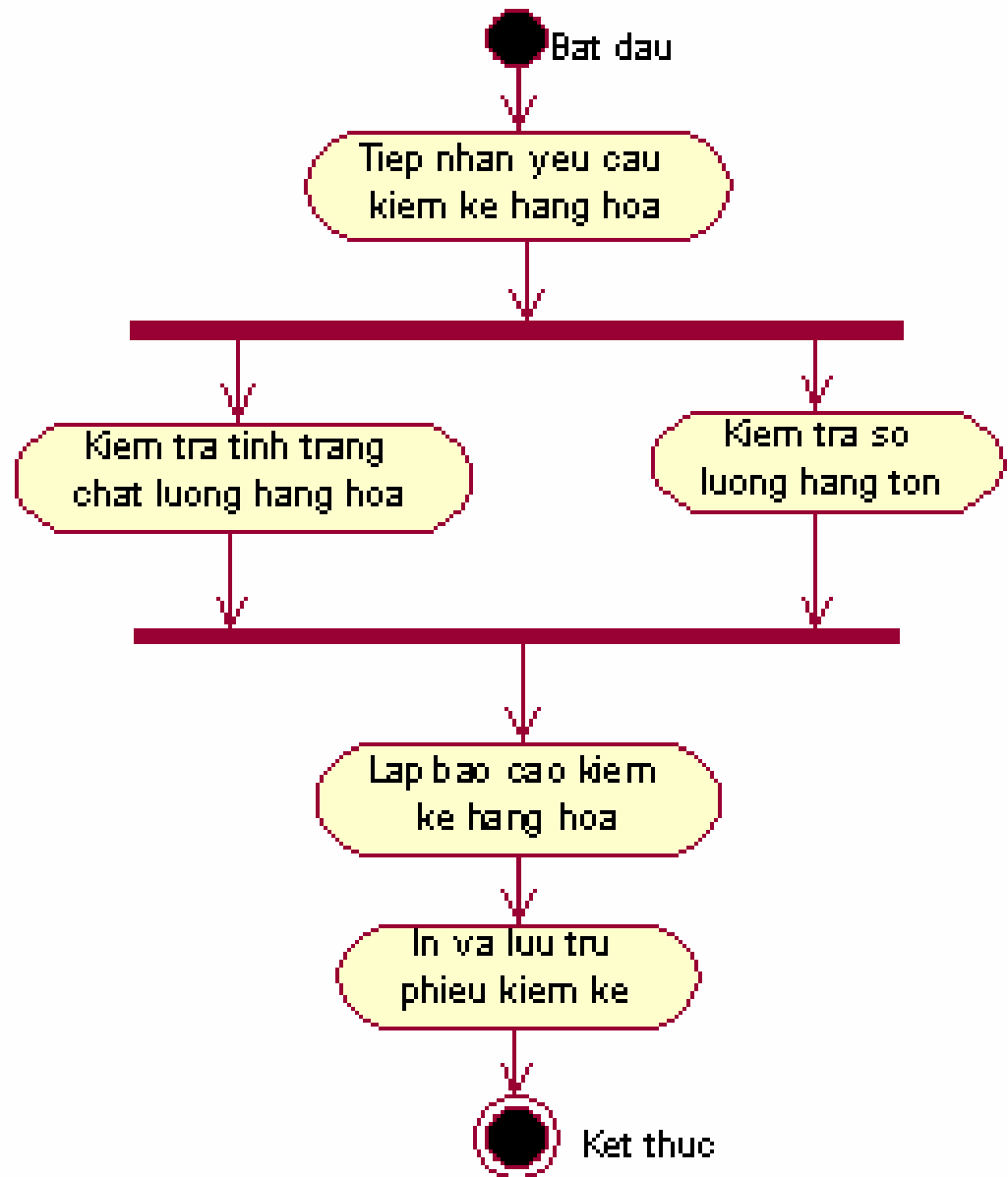
Hóa đơn mới

Đóng

*Kiểm kê hàng hóa

Chức năng hoạt động chính là:

- o Lập phiếu kiểm kê.
- o Tra cứu phiếu kiểm kê
- o Thống kê số lượng tồn của hàng hoá trên quầy sau khi xuất.





THỐNG KÊ HÀNG HÓA

Chọn mặt hàng cần thống kê

Chủng loại: Hàng tiêu dùng

Loại hàng: Dầu gội đầu

Chọn tất cả

- Dầu gội Clear bạc hà 200ml
- Dầu gội Clear có dầu xả 200 ml
- Dầu gội Double Rich cho tóc thường 25

Số mặt hàng được chọn: 3

Tiêu chí thống kê

Quý 1

Năm: 1990

Khoảng thời gian

Từ: 1 / 01 / 1985

Đến: 1 / 01 / 1990

4 Thống kê Hàng hóa

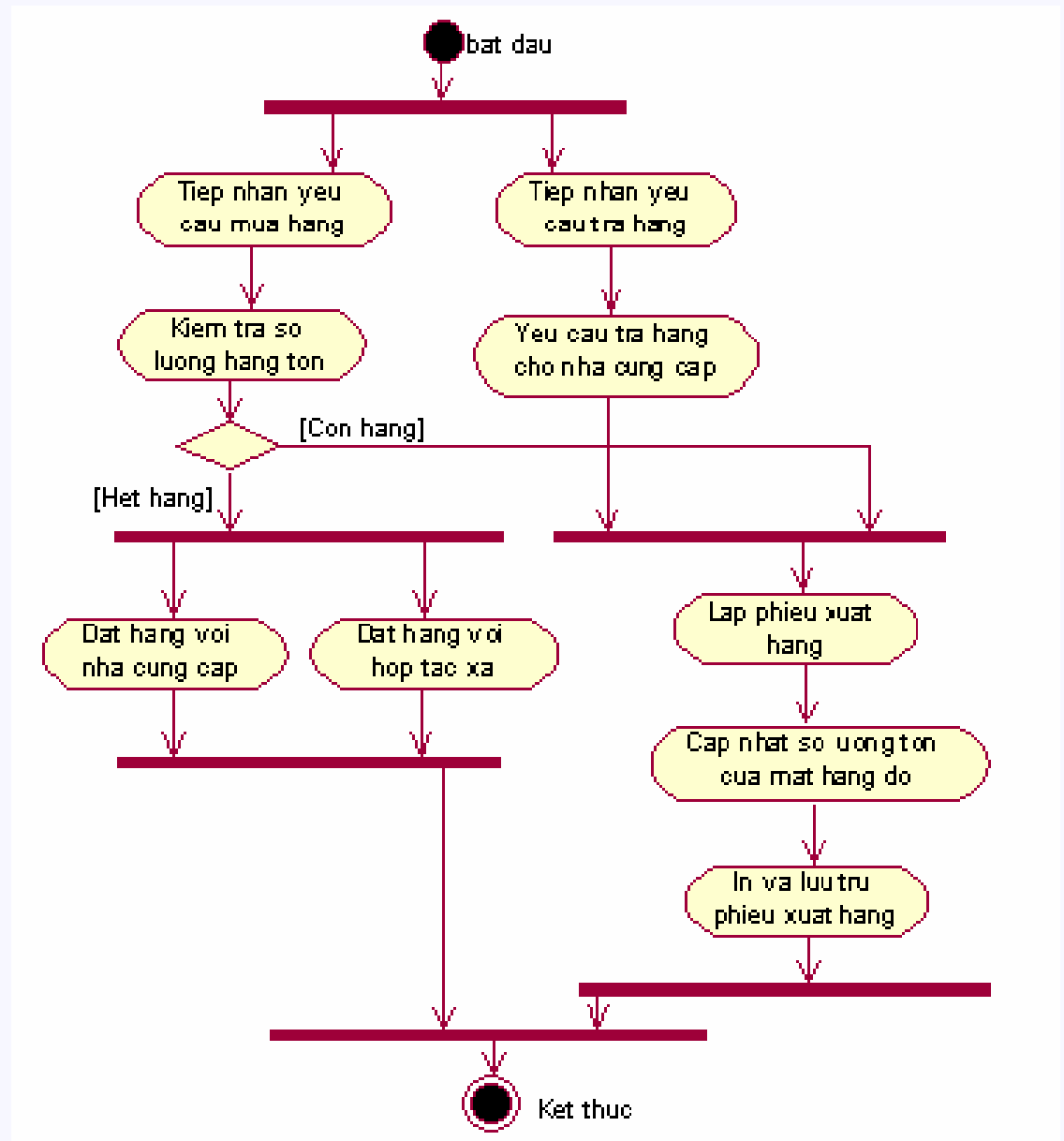
Đóng

* Quản lý xuất hàng

- Trong QL xuất hàng có hai hoạt động chính là:

o Lập phiếu xuất hàng từ kho lên quầy.

o Tra cứu phiếu xuất hàng.



PHIẾU XUẤT HÀNG

Mã số:.....

NgàyTháng.....Năm.....

Nhà cung cấp:.....

Số TT	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị tính	Thành tiền

Người giao hàng

Người nhận hàng

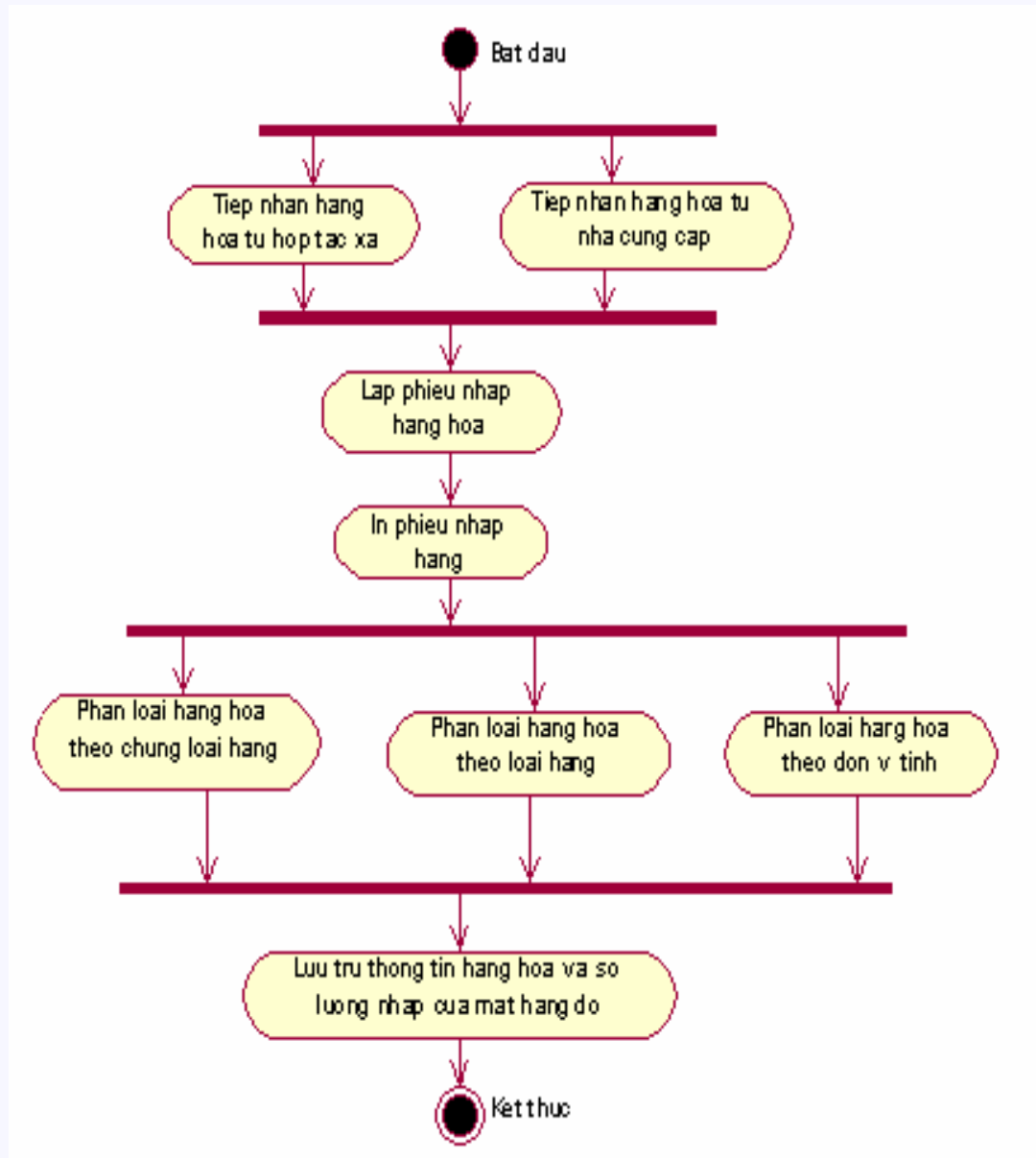
*Quản lý nhập hàng

Chức năng chính gồm:

- o Lập phiếu nhập hàng.
- o Tra cứu phiếu nhập hàng
- o QL thông tin hàng hóa.
- o Tra cứu thông tin hàng hóa.
- o QL thông tin nhà cung cấp.
- o Tra cứu thông tin NCC

Trong đó QL thông tin hàng hóa bao gồm:

- o Quản lý chủng loại hàng
- o Quản lý loại hàng
- o Quản lý đơn vị tính



PHIẾU NHẬP HÀNG

Mã số:.....

NgàyTháng.....Năm.....

Nhà cung cấp:.....

Số TT	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Đơn vị tính	Thành tiền

Người giao hàng

Người nhận hàng

Phiếu nhập hàng

QUẢN LÝ HÀNG HÓA

Chủng loại hàng: 1

Loại hàng	Mặt hàng	Giá mua (VNĐ)	Giá bán (VNĐ)	VAT (%)	S
Bàn chải đánh răng	Dầu gội Clear bạc h...	25000	27000	10	
Bột giặt	Dầu gội Clear có đầ...	25000	27000	10	
Dầu gội đầu	Dầu gội Double Ric...	32500	34500	10	
Dầu xả tóc					
Kem đánh răng					
Nước xả quần áo					
Nước súc miệng					
Sữa tắm					
Xà phòng					

2

3

4

5

Số mặt hàng: 3

Cập nhật

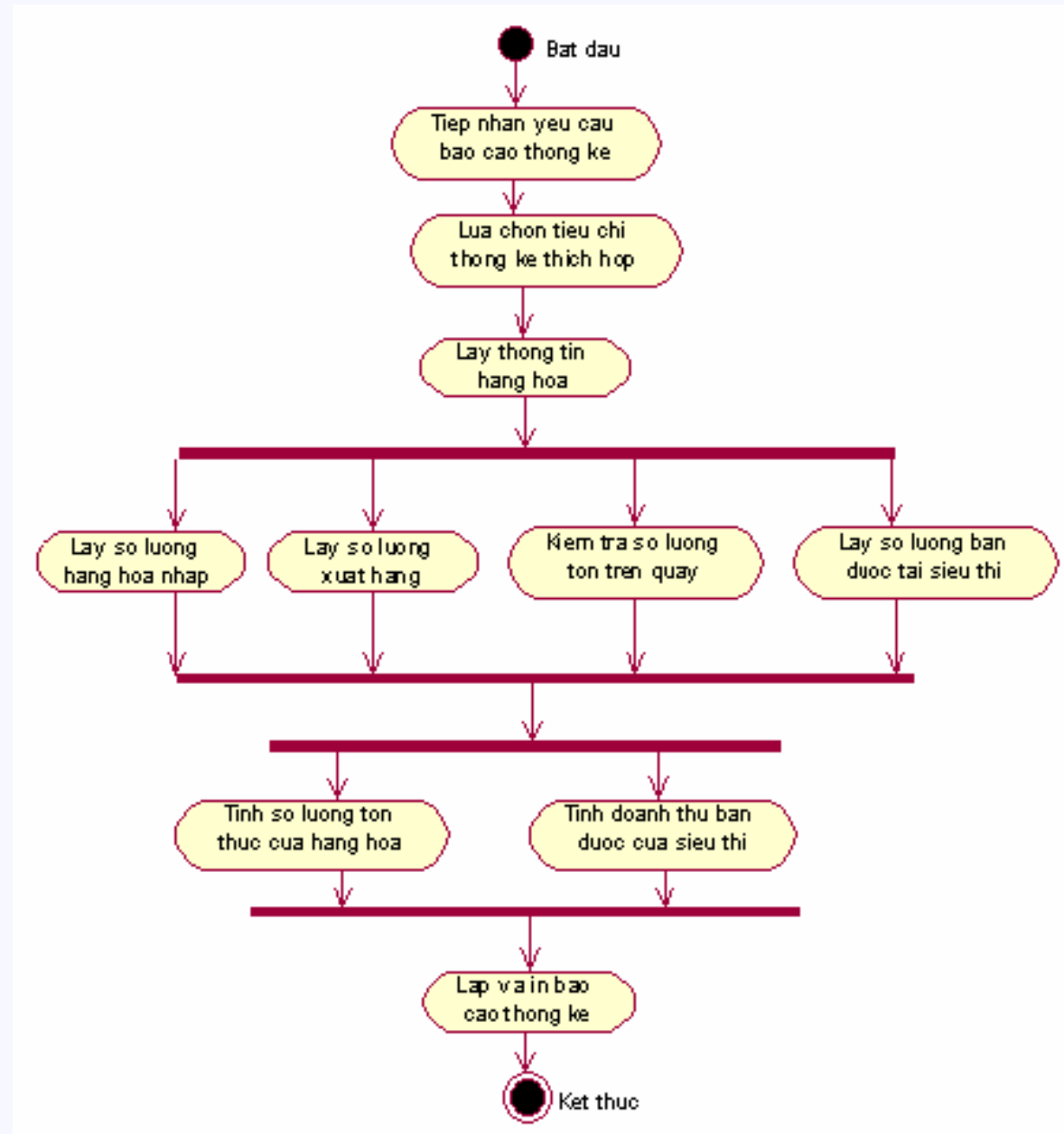
Đóng

*Thống kê báo cáo

Gồm 3 chức năng chính :

- o Thống kê hàng hóa.
- o Thống kê số lượng tồn của hàng hoá tại kho
- o Thống kê doanh thu bán hàng

Tất cả chức năng này đều cho phép thống kê theo năm, quý, khoảng thời gian. Kết quả báo cáo có thể ở dạng báo biểu hoặc đồ thị biểu diễn.



	Doanh thu			LNST		
	Q4/2010	Năm 2010	So với 2009	Q4/2010	Năm 2010	So năm 2009
S99	18.2	95.4	-24%	5.3	19.15	-15%
SD8	92.64	321	130%	0.98	1.97	
SDE	19.5	60.36	35%	2.32	3.78	-4%
SDD	9.6	30	-27%	0.4	0.86	-51%
SDP	237.4	927.4	104%	2.67	20	54%

Quan ly Chung loai hang

Quản lý Chứng loại hàng

Chứng loại: Hàng xuất khẩu

1

2

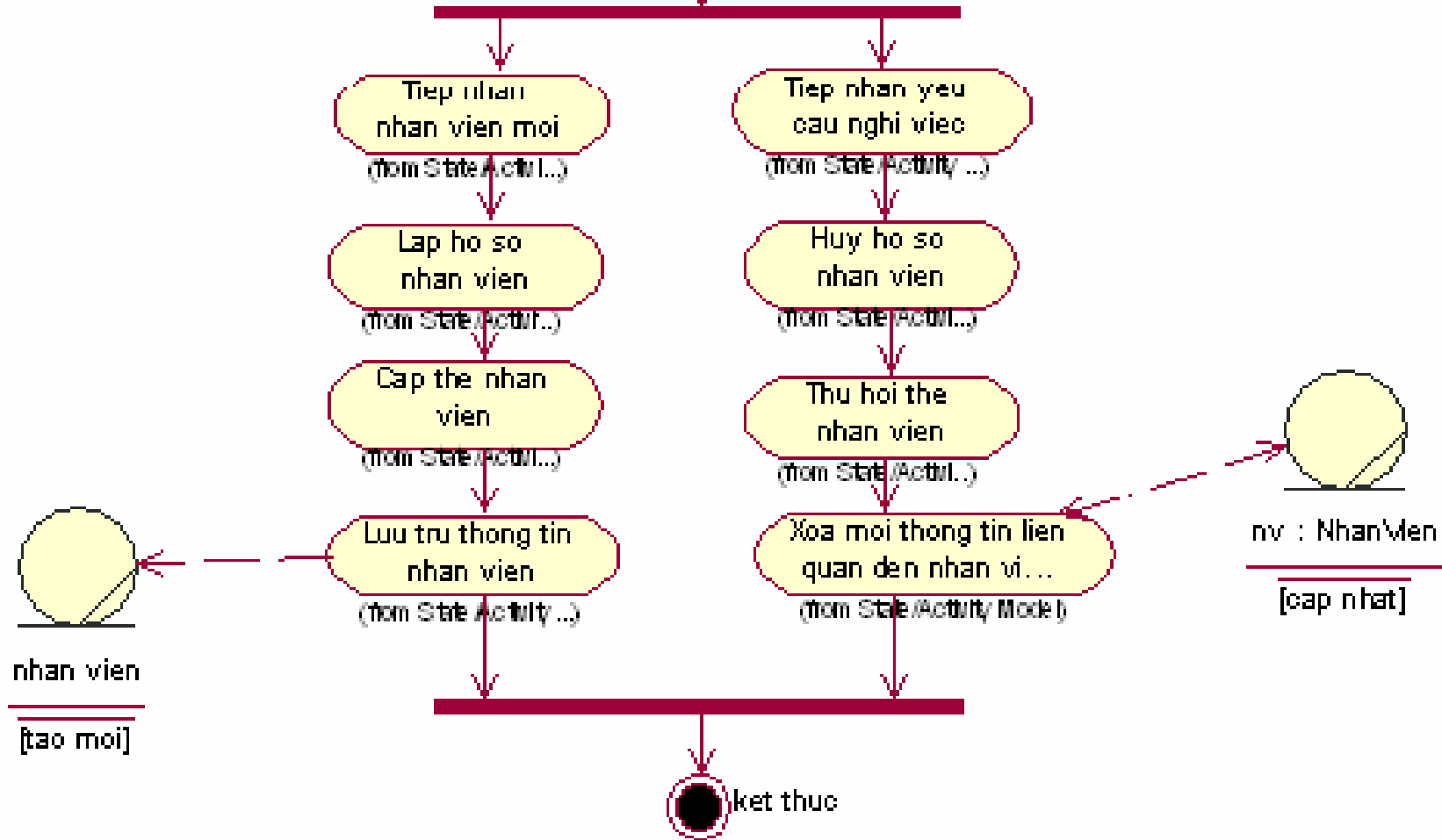
3

Chứng loại
Hàng điện máy
Hàng gia dụng
Hàng may mặc
Hàng tiêu dùng
Mỹ phẩm
Thực phẩm
Văn phòng phẩm

*Quản lý nhân viên

: NgudQuanLy

● bat dau



Nhiệm vụ chính của QL nhân viên là:

- o Quản lý thông tin nhân viên.
- o Tra cứu thông tin nhân viên.

Đăng nhập

Chức vụ: Quản lý

Tên đăng nhập: duc

Mật khẩu:

1

2

Đăng nhập Bỏ qua

Kết nối với SQL Server

Server: localhost

Database: Sieuthi

Người dùng: sa

Mật khẩu:

1

2

3

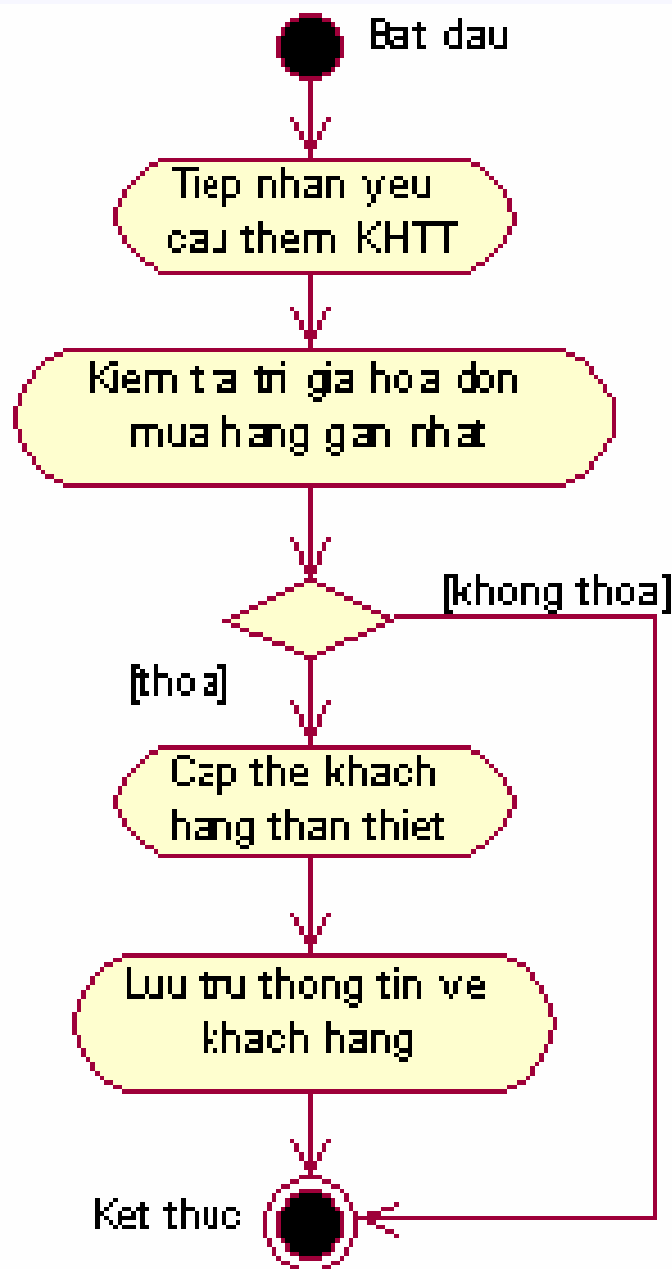
Tự động kết nối khi khởi động chương trình

Kết nối Bỏ qua

*Quản lý khách hàng thân thiết

Chúng ta có thể tự động hóa hai hoạt động chính là:

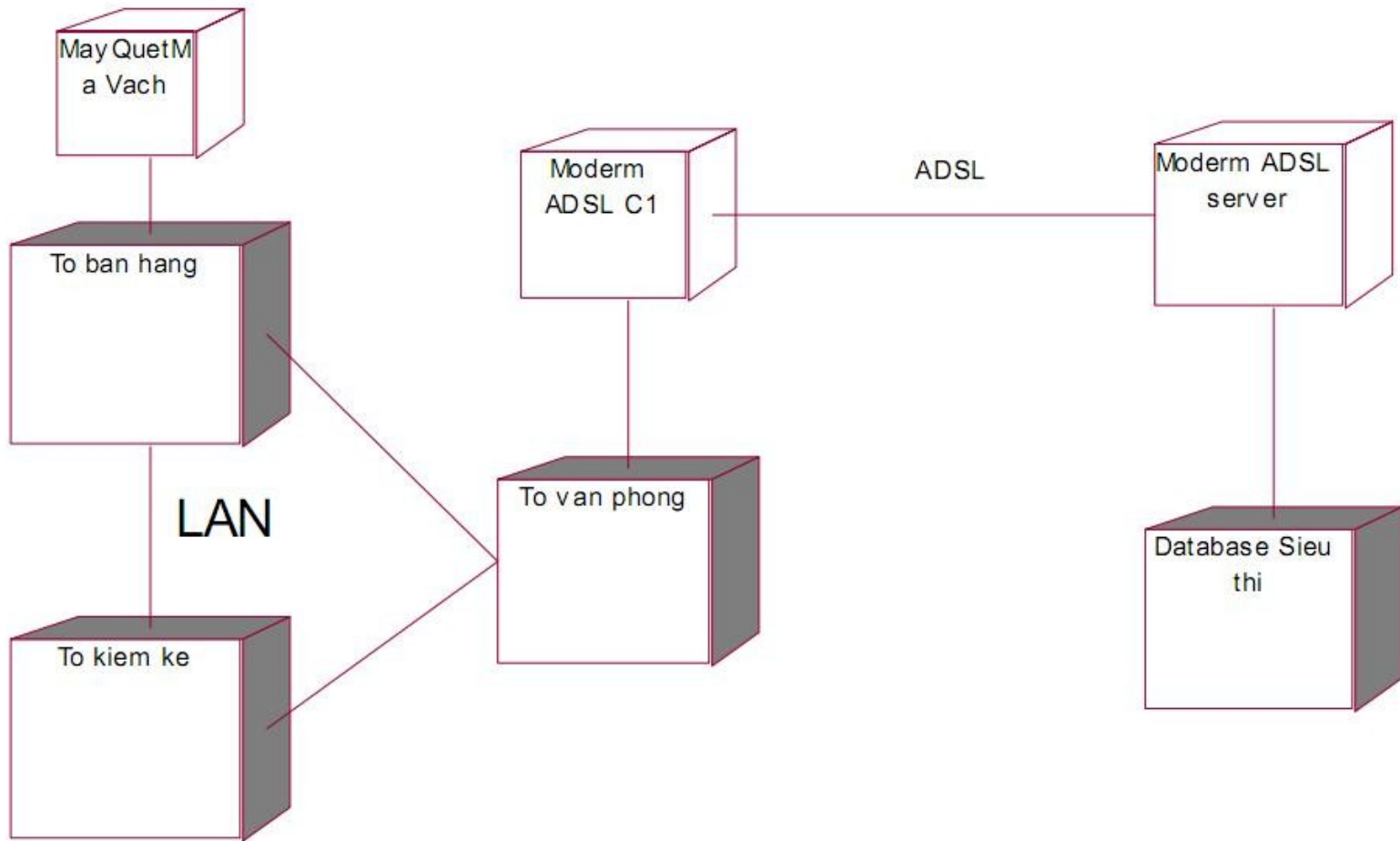
- o Quản lý thông tin Khách hàng thân thiết.
- o Tra cứu thông tin Khách hàng thân thiết.



QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT

Mã KH	Họ tên	Địa chỉ	Điểm thưởng
KH0	Nguyễn Văn Hàn	3 Trần Hưng Đạo Q1	40
KH1	Trần Thanh Minh	153 Bùi Thị Xuân Q1	26
KH2	Lê Đức Thành	78 Nguyễn Trãi Q1	14
KH3	Dương Quá	275 Nguyễn Văn Cừ Q5	6
KH4	Quách Dương	145 Nguyễn Thị Minh Khai	30
KH5	Huỳnh Thị Mẫn	22 Võ Văn Tần Q3	7
KH6	Đặng Tiểu Nhân	189 Võ Văn Tần Q3	9
KH7	Lê Ngọc Thảo	59 Cống Quỳnh Q1	36
KH8	Châu Trí Cường	89 Bùi Thị Xuân Q1	29
KH9	Hoàng Dung	34 Tôn Thất Tùng Q1	32
KH10	Lê Mỹ Nhân	145 Lý Thái Tổ Q10	11
KH11	Đặng Tất Thắng	34 Nguyễn Thiện Thuật Q3	26
KH12	Trần Tuấn Anh	57 Nguyễn Đình Chiểu Q1	34
KH13	Doãn Hải Anh	372 Cách Mạng Tháng 8 Q10	9
KH14	Nguyễn Thành Tài	178 Nguyễn Chí Thanh Q5	4
KH15	Lê Thị Tuyết	29 Dãy E Chung cư Nguyễn Thiệ...	29
KH16	Nguyễn Ánh Tuyết	35 Phạm Việt Chánh Q1	42
KH17	Trần Thu Hồng	29 Nguyễn Cư Trinh Q1	39
KH18	Doãn Nhật Tiến	15 Bùi Viện Q1	56

Số lượng: **41**



4. Kết luận

_Qua việc tìm hiểu mô hình hoạt động và phần mềm quản lý siêu thị chúng ta đã thấy được tính khoa học và quy mô rộng lớn của siêu thị Co-op mart. Nó đã được thực tiễn chứng minh là sự đi lên phát triển mạnh mẽ của siêu thị.

-Phần mềm đã đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu cần thiết trong quản lý.

-Tuy nhiên qua tìm hiểu thì mô hình và phần mềm này còn một số hạn chế cần khắc phục:

+Tại Siêu thị đang dùng phần mềm quản lý hàng hóa (Access) để quản lý hơn 200.000 mặt hàng kinh doanh. Trung bình mỗi ngày bộ phận bán hàng xử lý hơn 10.000 mẫu tin (có khi lên đến nửa triệu mẫu tin) nên tốc độ truy xuất dữ liệu không còn nhanh như trước, hiện tại và tương lai không thể đáp ứng được nhu cầu cho Siêu Thị.

+Siêu thị cung cấp cho các nhân viên id và password truy cập giống nhau không an toàn về bảo mật của siêu thị.